

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH XUYỀN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 16 - 12 - 2020  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Nghĩa Quy

2. Bà Nguyễn Quỳnh Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc*** tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1984;

Quê quán: Tổ dân phố Q, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là anh Dương Văn L trình bày:

Anh và chị Dương Thị L kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 5 năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị L về gia đình anh làm dâu ngay tại tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đến năm 2006, vợ chồng ra ở riêng ở khu T, tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2011, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi, mắng, chửi nhau. Tháng 01 năm 2020, anh và chị L mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Sau đó, chị L đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Dương Thế L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2005 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2010. Hiện nay, cháu L và cháu H đang ở với chị L. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu L và cháu H, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị L trình bày và xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và có phát sinh mâu thuẫn như anh L trình bày ở trên là đúng. Nhưng theo chị nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi, mắng, chửi nhau, thậm chí đánh nhau. Tháng 01 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đã làm đơn ly hôn anh L gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Sau đó, chị đã rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay anh L xin ly hôn chị, chị cũng đồng ý và thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như anh L trình bày là đúng. Ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 2 cháu Dương Thế L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2005 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2010; chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Anh Dương Văn L và chị Dương Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo

thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho anh Dương Văn L được ly hôn chị Dương Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Dương Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thế L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2005; chị Dương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2010. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Dương Thị L và giải quyết về con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn chị Dương Thị L hiện có địa chỉ tại thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa thể hiện. Việc kết hôn giữa anh Dương Văn L và chị Dương Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn B), huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2011, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và tháng 01 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã làm đơn ly hôn anh L gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Sau đó, chị đã rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn chị Dương Thị L. Về phía chị L trình bày, chị cũng không còn tình cảm với anh L nữa nên đồng ý và thống nhất ly hôn với anh L, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Dương Văn L được ly hôn chị Dương Thị L.

[3] Về con chung: Anh Dương Văn L và chị Dương Thị L có 02 con chung là cháu Dương Thế L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2005 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2010. Hiện nay, cả cháu L và cháu H đang ở với chị L. Ly hôn, anh L và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung và các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là hợp pháp và cả hai bên đều có việc làm và có thu nhập ổn định, đều có khả năng đảm bảo cuộc sống khi nuôi con. Xét thấy, cháu Dương Gia H còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn, bản thân cháu đang sống ổn định với chị L và cháu cũng có nguyện vọng ở với chị L nên cần giao cháu cho chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; cháu Dương Thế L đã hơn 15 tuổi, đã lớn có thể tự chăm sóc bản thân nên cần giao cháu cho anh Dương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Dương Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Dương Văn L được ly hôn chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thế L, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2005 và giao cho chị Dương Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Gia H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2010. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Dương Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0009855 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; anh Dương Văn L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Thanh Mai**